

Bảo cáo tóm tắt công tác khảo sát nhu cầu sinh hoạt của Cư dân mới năm 2023

Căn cứ vào số liệu thống kê của Vụ Hộ chính Bộ Nội chính và Sở Di Dân cho thấy, tính đến cuối tháng 6 năm 2024, Đài Loan có gần 600,000 cư dân mới, với hơn 470,000 con cái của họ, điều này khiến họ trở thành đối tượng phục vụ quan trọng cho chính sách của chính phủ. Vì vậy, bắt đầu từ năm 2003 chính phủ đã bắt đầu thực hiện khảo sát nhu cầu sinh hoạt của cư dân mới, nhằm tìm hiểu tình hình sinh hoạt của cư dân mới ở Đài Loan. Kể từ đó, cứ 5 năm thực hiện khảo sát 1 lần, lần này là lần khảo sát thứ 5. Phạm vi khảo sát này bao gồm tất cả các thành phố trực thuộc trung ương, huyện (thị) khu vực Đài Loan Bành Hồ Kim Môn Mã Tổ, với đối tượng khảo sát là vợ/chồng người nước ngoài có thể cư trú dành cho người nước ngoài còn hiệu lực, thẻ cư trú lâu dài, vợ/chồng người nước ngoài đã có quốc tịch Đài Loan, và hôn phối người Hồng Kông, Macao và Trung Quốc Đại Lục đang cư trú và định cư hoặc có hộ tịch tại Đài Loan, không bao gồm những cư dân mới đã xuất cảnh 2 năm trở lên. Từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2023, đã áp dụng hình thức phái cử người thực hiện phỏng vấn, phỏng vấn thành công 10,430 cư dân mới tại Đài Loan. Thông qua khảo sát này thu thập thông tin về tình hình cuộc sống gia đình và công việc của những cư dân mới, làm tài liệu tham khảo cho định hướng chính sách và dịch vụ của chính phủ, nhằm tạo ra môi trường di dân thân thiện quốc tế trong xã hội Đài Loan phong phú và đa dạng về văn hóa. Bảng tóm tắt dưới đây sẽ trình bày tóm lược kết quả khảo sát quan trọng của 10,430 mẫu hợp lệ.

I. Diện mạo nhóm cư dân mới

(1) Thông tin cơ bản

Trong cuộc khảo sát lần này Cư dân mới đa số là nữ giới, chiếm 91.2%, cư dân mới là nam giới có xu hướng gia tăng. Về kết cấu độ tuổi chủ yếu từ 35-54 tuổi, 41.1% trong độ tuổi 35-44 tuổi, 35.2% trong độ tuổi 45-54. Quan sát từ kết cấu nơi sinh, vợ/chồng người nước ngoài chiếm 48.8%, vợ/chồng người Hồng Kông Ma Cao Đại Lục chiếm 51.2%. Trình độ giáo dục trước khi sang Đài Loan đa số là Trung học phổ thông (dạy nghề), tỷ lệ trình độ trung học phổ thông (dạy nghề) trở lên từ kết quả khảo sát năm 2008 là 34.7% tăng lên 53.5%.

(2) Tình hình cư trú và hôn nhân tại Đài Loan

Trong cuộc khảo sát lần này, tỷ lệ người cư trú tại Đài Loan 10 năm trở lên tăng từ 64.6% - kết quả khảo sát năm 2018 (số lượng mẫu hợp lệ năm đó là 18,260 mẫu) lên đến 75.9%. Trong đó có gần 40% cư dân mới sinh sống tại Đài Loan tròn 20 năm trở

lên, bất kể là vợ/chồng người nước ngoài hay vợ/chồng người Hồng Kông, Ma Cao, Đại Lục đều có 70% trở lên đã có căn cước công dân Trung Hoa Dân Quốc.

Khảo sát cho thấy, 31,8% cuộc hôn nhân có yếu tố nước ngoài được giới thiệu qua bạn bè người thân quê hương họ, 22,4% quen biết do quan hệ công việc; Những người sang Đài Loan 15 năm trở lên có hơn 20% là quen biết qua dịch vụ môi giới hôn nhân, tỷ lệ những người sang Đài Loan chưa đủ 15 năm đã giảm xuống dưới 10%, cách thức quen biết chuyển sang bạn bè người thân giới thiệu (khoảng 50%), quen qua công việc (khoảng 30%), tỷ lệ người sang Đài Loan chưa đủ 5 năm, quen nhau qua học tập, du lịch, internet cũng tương đối cao. Về số năm kết hôn của cư dân mới, tỷ lệ kết hôn tròn 20 năm trở lên chiếm 42,9%, từ 10 năm đến dưới 20 năm chiếm 37,1%, dưới 10 năm chiếm 20,0%, trong đó 88% cư dân mới vẫn đang trong quan hệ hôn nhân, 4,3% đã ly hôn.

II. Khái quát tình hình sinh sống tại Đài Loan

Trong khảo sát lần này, trong các loại bảo hiểm của cư dân mới tại Đài Loan thì tỷ lệ đóng bảo hiểm y tế toàn dân là nhiều nhất, cứ 100 người thì có 98 người đóng, ngoài ra 74% là các loại bảo hiểm việc làm (bao gồm bảo hiểm lao động, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm dành cho công chức và giáo viên...). Giấy phép lái xe máy là loại giấy phép có tỷ lệ sở hữu tương đối phổ cập khi sinh sống tại Đài Loan, cứ 100 người thì có 63 người sở hữu, ngoài ra cứ 100 người thì có 43 người có giấy phép lái xe ô tô, các tỷ lệ này đều cao hơn nhiều so với tỷ lệ 32/100 người có giấy phép lái xe máy và 14/100 người có giấy phép lái xe ô tô trong cuộc khảo sát năm 2008; Ngoài ra, tỷ lệ sở hữu chứng chỉ kỹ thuật viên cũng từ 6,1% trong cuộc khảo sát năm 2018 tăng lên 8,7%, điều này cho thấy rõ hiệu quả của biện pháp phụ đạo cư dân mới tham gia lớp luyện thi chứng chỉ lái xe và chứng chỉ kỹ thuật viên của Đài Loan.

III. Tình trạng lao động

(1) Tình hình tham gia và bảo trợ lao động

Trong lần khảo sát này, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của cư dân mới đạt 75,0%, cao hơn tỷ lệ tham gia lao động bình quân (59,02%~59,22%) 5 năm qua của người dân nói chung. Trong các loại bảo hiểm việc làm thì tỷ lệ tham gia cao nhất là bảo hiểm lao động, cứ 100 người thì có 59 người tham gia, tỷ lệ đóng bảo hiểm lao động từ 16% năm 2008, 30% năm 2013, 50% năm 2018 nâng lên gần 60%, cho thấy rõ bảo trợ lao động dành cho cư dân mới có xu hướng cải thiện rõ rệt.

(2) Tình hình việc làm

Các ngành nghề mà người lao động cư dân mới theo đuổi chủ yếu là ngành sản xuất (30.3%) và ngành nhà nghỉ khách sạn và ăn uống (21.8%). Về nghề nghiệp, đa số là nhân viên phục vụ và bán hàng (37.8%), công nhân kỹ thuật và lao động cơ bản (26.9%). Tư cách tham gia lao động chủ yếu là được tư nhân tuyển dụng (74.8%), người tự kinh doanh chiếm 18.5%, tỷ lệ tự kinh doanh có xu hướng tăng dần; Người được tuyển dụng đa số làm công việc toàn thời gian (84.3%), tỷ lệ người làm công việc bán thời gian chiếm 15.7%.

(3) Mức độ hài lòng công việc và khó khăn trong công việc

94.8% cư dân mới có việc làm bày tỏ hài lòng với công việc hiện tại, chỉ 5.2% không hài lòng. 74.9% cư dân mới có việc làm cho biết không gặp khó khăn khi làm việc tại Đài Loan. Người có khó khăn chủ yếu là vì tiền lương hoặc phúc lợi không như kỳ vọng (trong 100 người có 8 người), khả năng nhận biết chữ và viết tiếng Trung tương đối yếu (trong 100 người có 5 người).

85.8% cư dân mới có việc làm cho biết không gặp khó khăn tìm việc làm (bao gồm 9.8% không có kinh nghiệm tìm việc, 76.0% có kinh nghiệm tìm việc làm nhưng không gặp khó khăn), tình trạng gặp khó khăn đa số là vì khả năng nhận biết chữ và viết tiếng Trung tương đối yếu (trong 100 người có 30 người), năng lực trao đổi ngôn ngữ tương đối yếu (trong 100 người có 26 người), kỳ thị việc làm (như giới tính, ngôn ngữ, chủng tộc, nơi sinh, khuyết tật..) (trong 100 người có 24 người) và không tìm được sở trường phù hợp (trong 100 người có 24 người).

(4) Dịch vụ tìm việc làm và nhu cầu đào tạo nghề

Kênh tìm việc làm của cư dân mới đa số là do bạn bè người thân quốc tịch Đài Loan (gồm vợ/chồng) giới thiệu (trong 100 người có 34 người), bạn bè người thân cùng quê nhưng sống ở Đài Loan giới thiệu (trong 100 người có 23 người), tự kinh doanh (trong 100 người có 14 người), ngân hàng nhân lực tư nhân (trong 100 người có 12 người), nhưng chủ yếu vẫn dựa vào mạng lưới quan hệ cá nhân giới thiệu, hơn nữa quá trình tìm việc liên kết mật thiết với các doanh nghiệp xung quanh nơi sinh sống. Về dịch vụ việc làm, cư dân mới chủ yếu có nhu cầu về “Miễn phí tham gia đào tạo nghề”, “trong thời gian đào tạo nghề, cung cấp trợ cấp sinh hoạt đào tạo nghề”.

(5) Mong muốn khởi nghiệp và nhu cầu hỗ trợ

15.4% Cư dân mới hiện nay bản thân đã là người chủ hoặc người tự kinh doanh, 14.2% trong tương lai có mong muốn khởi nghiệp. Trong quá trình chuẩn bị khởi nghiệp/kinh doanh, 44% gặp khó khăn, những khó khăn này đa số là thiếu vốn hoặc khó

khăn vay tiền (trong 100 người có 24 người), biến động về tình hình kinh tế (trong 100 người có 16 người), cạnh tranh thị trường khốc liệt (trong 100 người có 14 người) và còn thiếu hụt trong tiếp thị thị trường (trong 100 người có 12 người). Trong các hạng mục hỗ trợ khởi nghiệp hy vọng được chính phủ cung cấp, chủ yếu là hỗ trợ khoản vay khởi nghiệp (trong 100 người có 35 người), khóa đào tạo khởi nghiệp (trong 100 người có 28 người).

IV. Tình hình gia đình và nuôi dưỡng giáo dục con cái

(1) Diện mạo nhóm vợ/chồng (công dân) người Đài Loan

Vợ/chồng (công dân) người Đài Loan gần 78% là kết hôn lần đầu, tỷ lệ tái hôn của vợ/chồng (công dân) người Đài Loan nhưng vốn là cư dân mới có gốc gác đến từ các nước Đông Nam Á, khu vực Đại Lục đều cao hơn 20%. 80% vợ chồng (công dân) người Đài Loan là người đang có việc làm, với ngành nghề theo đuổi chủ yếu là ngành sản xuất (29.5%), công trình xây dựng (12.9%), ngành bán buôn và bán lẻ (12.9%), nghề nghiệp chủ yếu là người làm việc liên quan đến kỹ năng, người thao tác và lắp ráp thiết bị máy móc (43.4%), thu nhập mỗi tháng đa số khoảng “3 vạn đến dưới 5 vạn Đài tệ”, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 44,207 Đài tệ.

(2) Hoàn cảnh gia đình kinh tế xã hội

Kết cấu gia đình cư dân mới chủ yếu là hộ gia đình hạt nhân, tiếp theo là hộ gia đình mở rộng, tỷ lệ hộ gia đình hạt nhân tăng lên so với kết quả khảo sát năm 2013 và 2018. Thu nhập bình quân hàng tháng của gia đình là 62,150 Đài tệ, mặc dù tương đối thấp so với thu nhập bình quân hàng tháng của hộ gia đình thông thường 117,250 Đài tệ, nhưng đã tăng lên 18.21% so với kết quả khảo sát năm 2018, mức độ tăng trưởng cao hơn mức 7.37% của hộ gia đình thông thường và tỷ lệ những hộ có thu nhập khoảng 6 vạn trở lên gia tăng rõ rệt.

(3) Tình hình nuôi dưỡng giáo dục con cái

Trong lần khảo sát này, 88.7% cư dân mới có con cái, mà tối đa là 2 người con, số con bình quân là 1.60 người, tỷ lệ không có con cái lần lượt giảm, số con bình quân cũng có xu hướng gia tăng. Thông qua phỏng vấn cư dân mới, tổng cộng thu thập được 17,222 thông tin con cái cư dân mới. Số liệu khảo sát cho thấy, 87% em lấy Đài Loan làm nơi cư trú lâu dài, giai đoạn hiện nay khoảng 30% con em cư dân mới đang trong giai đoạn giáo dục mầm non, tiểu học, hơn một nửa số em đã đủ 16 tuổi trở lên, chuẩn bị hoặc đã chính thức bước vào thị trường lao động. 43.1% cư dân mới ủng hộ con cái quay về quê hương tìm việc làm, những cư dân mới có trình độ giáo dục càng cao, thời gian cư trú tại Đài Loan càng ngắn thì càng ủng hộ con cái mình tìm việc làm ở nước ngoài.

5.Tình hình thích ứng cuộc sống và tham gia hoạt động xã hội

(1) Năng lực tiếng Trung

Khả năng nghe nói tiếng Trung của Cư dân mới tốt hơn khả năng đọc viết, lần lượt khoảng 86.7% và 84.5% cư dân mới cho rằng khả năng nghe, nói của bản thân tốt, 52.2% và 40.4% cư dân mới cho rằng khả năng đọc, viết tốt. Tùy theo tuổi tác, thời gian sinh sống ở Đài Loan càng dài, thì khả năng nghe, nói càng tốt và rút ngắn khoảng cách với khả năng đọc viết, ngôn ngữ thường sử dụng trong cuộc sống thường ngày đa số là tiếng Trung, tiếp đó là tiếng mẹ đẻ nơi sinh ra (trong 100 người có 24 người).

(2)Tình hình tham gia hoạt động xã hội

31.5% cư dân mới từng tham gia hoạt động xã hội trong năm qua, tỷ lệ tham gia hoạt động giải trí, hoạt động tôn giáo tương đối cao, trong đó 28.3% cư dân mới tham gia chuẩn bị cho các hoạt động. Nguyên nhân chưa tham gia hoạt động chủ yếu là do học tập và công việc bận rộn (trong 100 người có 56 người), không muốn tham gia (trong 100 người có 41 người), phải chăm sóc người thân (trong 100 người có 32 người).

(3)Khó khăn trong cuộc sống tại Đài Loan và những kênh hỗ trợ xã hội

Những khó khăn trong cuộc sống tại Đài Loan mà cư dân mới tự cảm nhận bao gồm các phương diện gặp phải liên quan đến sinh tồn cá nhân như các cuộc sống cá nhân, quyền lợi, gia đình, quan hệ xã giao, tương tác môi trường..., chủ yếu là vấn đề kinh tế (trong 100 người có 20 người), vấn đề sức khỏe của bản thân (trong 100 người có 8 người), vấn đề công việc của bản thân (trong 100 người có 5 người).

Khi gặp khó khăn về phương diện sinh hoạt, quyền lợi, an toàn nhân thân, vợ/chồng, thân hữu người Đài Loan hoặc đồng hương, họ hàng là kênh hỗ trợ quan trọng nhất của cư dân mới, các cơ quan công quyền như Cục cảnh sát/ đồn cảnh sát, chính quyền các huyện thị, trưởng thôn xóm, Trung tâm phòng chống bạo lực gia đình, đường dây nóng bảo vệ 113, Trung tâm phục vụ gia đình Cư dân mới cũng có sự ưu tiên ở mức độ nhất định, cùng với thời gian cư trú tại Đài Loan của cư dân mới dần tăng lên, mức độ phụ thuộc vào vợ/chồng, bố mẹ vợ/chồng cũng giảm dần đi, nhưng mức độ phụ thuộc vào con cái cũng có xu hướng tăng lên.

(4)Kênh nguồn thông tin

Các kênh nhận thông tin về biện pháp dịch vụ chăm sóc của chính phủ chủ yếu từ “Bạn bè người thân thông báo, truyền miệng” (trong 100 người có 57 người), “lên mạng tìm kiếm (trong 100 người có 37 người)”, “ xem chương trình truyền hình giới

thiếu”(trong 100 người có 36 người), cho thấy rõ mạng lưới quan hệ chiếm vị trí quan trọng trong việc truyền tải thông tin.

(5)Chỉ số hạnh phúc khi sinh sống tại Đài Loan

Hỏi cư dân mới những ngày gần đây sống vui vẻ hay không, 92.1% cho rằng vui vẻ, 7.9% không vui, người có trình độ giáo dục càng cao, thu nhập gia đình hàng tháng càng cao thì tỷ lệ hạnh phúc càng lớn. Tỷ lệ không vui vẻ ở những người 55 tuổi trở lên cao hơn người chưa đến 55 tuổi, có thể liên quan đến những vấn đề như chăm sóc sức khỏe của bản thân hoặc vợ/chồng và nguồn tài chính ở người già.

VI.Nhu cầu về các biện pháp phục vụ chăm sóc

(1)Tình hình tham gia vào các biện pháp phục vụ chăm sóc

63.9% cư dân mới từng tham gia vào các biện pháp phục vụ chăm sóc dành cho cư dân mới, mà đa số là “Luyện thi giấy phép lái xe máy và xe ô tô” (trong 100 người có 44 người), “Lớp học tập giáo dục cơ bản dành cho người thành niên, lớp nhận biết chữ” (trong 100 người có 14 người). 37.1% không có kinh nghiệm tham gia, nguyên nhân chưa tham gia chủ yếu là vì công việc (mức độ ưu tiên 42.4), chăm sóc người thân/con cái (mức độ ưu tiên 30.5), không thích (mức độ ưu tiên 26.5), chăm sóc việc nhà (mức độ ưu tiên 21.7).

(2)Nhu cầu về khóa học và dịch vụ

Tổng thể mà nói, trong các khóa học liên quan đến cuộc sống thì khóa học về “Kỹ năng chăm sóc y tế”, “Đào tạo ngôn ngữ, giáo dục nhận biết chữ”, “Thường thức chăm sóc sức khỏe y tế” có nhu cầu cao nhất. Trong các biện pháp phục vụ chăm sóc điều trị y tế, nhu cầu về “cung cấp trợ cấp y tế”, “hỗ trợ trao đổi khi điều trị y tế”, “Cung cấp kiến thức về các bệnh, bệnh truyền nhiễm”, “Cung cấp kiểm tra sức khỏe trẻ em” là cao nhất. Về nhu cầu dịch vụ chăm sóc sinh hoạt, nhu cầu về “bảo đảm quyền lợi việc làm”, “cung cấp biện pháp cứu trợ sinh hoạt”, “hỗ trợ giáo dục dành cho con cái” tương đối cao. Ngoài ra, cuộc khảo sát cũng cho thấy, cư dân mới có thời gian cư trú tại Đài Loan càng dài, thì nhu cầu về “Cung cấp dịch vụ và thông tin chăm sóc dài hạn” càng cao. Người cư trú chưa đủ 5 năm có nhu cầu tương đối cao về “bảo đảm quyền lợi việc làm”, “hỗ trợ giáo dục dành cho con cái”, “Thiết lập cổng dịch vụ tư vấn dành cho cư dân mới” và “hỗ trợ gửi trẻ”

VII. Cuộc sống của cư dân mới 50 tuổi trở lên

(1)Vấn đề quan tâm và lo lắng cuộc sống tuổi già

Vấn đề tuổi già mà những cư dân mới 50 tuổi trở lên lo lắng chủ yếu là “Sức khỏe bản thân (60.4%), “Sức khỏe vợ/chồng” (39.8%) và “Nguồn tài chính” (34.5%), cùng với sự gia tăng tuổi tác, tỷ lệ lo lắng về các vấn đề khác nhau cũng dần tăng lên. Trong số những người lo lắng “vấn đề chăm sóc bố mẹ bản thân, bố mẹ vợ/chồng”, thì có 98,2% cư dân mới có bố mẹ sống ở quê nhà, trong những khó khăn về chăm sóc bố mẹ thì tỷ lệ chăm sóc khó khăn do khoảng cách xa xôi cao hơn những khó khăn khác.

(2)Ý tưởng về nơi dưỡng lão và hỗ trợ sắp xếp cuộc sống

77.3% cư dân mới 50 tuổi trở lên lựa chọn dưỡng lão tại Đài Loan, 7.1% muốn trở về quê hương, 15.6% chưa quyết định. Về những hỗ trợ cần thiết cho việc dưỡng lão tại Đài Loan, đa số là “cung cấp dịch vụ và thông tin liên quan đến chăm sóc dài hạn” (56.0%), “Cung cấp hỗ trợ việc làm cho người trung và cao tuổi” (18.6%), và “cung cấp tư vấn pháp luật” (10.1%).

(一)在臺生活環境整體感受

(3)Cảm nhận chung về môi trường sinh sống tại Đài Loan

Hỏi những cư dân mới 50 tuổi trở lên về những khác biệt trong cảm nhận chung đối với môi trường sống tại Đài Loan kể từ khi bắt đầu kết hôn sang Đài Loan đến nay, bất kể là “Thái độ của xã hội Đài Loan đối với cư dân mới”, “Mức độ thân thiện đối với cư dân mới tại nơi làm việc ở Đài Loan” và “Sự chăm sóc và bảo vệ của các biện pháp dịch vụ, phúc lợi của chính phủ Đài Loan dành cho cư dân mới”, đều có 50% trở lên cho rằng là tốt lên, 40% trở lên cảm thấy tương đương; Về mặt “Quyền lợi Cư dân mới tại Đài Loan”, 46.0% cho rằng tốt lên, 51.2% cho rằng tương đương. Tỷ lệ cho rằng xấu đi ở bất cứ phương diện nào đều thấp hơn 4%, đã cho thấy rõ những hiệu quả trong chính sách của chính phủ dành cho cư dân mới, cũng vẫn cần thông qua các thông tin số liệu lớn trong thời gian dài và nghiên cứu khảo sát, kịp thời điều chỉnh các chính sách liên quan, để toàn xã hội Đài